

Bản án số: 48/2023/HS-PT  
Ngày: 01/02/2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Hà;

*Các Thẩm phán:* Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Vũ Minh Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Ông Vũ Văn Biều - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1186/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Đặng Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 449/2022/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1.

***Bị cáo có kháng cáo:***

**Đặng Ngọc H**, sinh năm 1982; quê quán: G, G1, N; giới tính: Nam; ĐKNKTT: Số nhà 87F, ngõ 04 phố T, phường M, quận H2, thành phố H1; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; trình độ chuyên môn: Thạc sĩ; nghề nghiệp: Nguyên Đại úy, Đội trưởng Đội An ninh - Công an huyện P, thành phố H1 (Đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 12891/QĐ-X11 ngày 24/11/2017 của Tổng cục Chính trị Công an nhân dân); đảng phái, đoàn thể: Nguyên Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Đã bị khai trừ đảng theo Quyết định số 96/QĐ-UBKTHU ngày 08/6/2018 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy P, thành phố H1); con ông Đặng Hữu N1 và bà Lưu Thị Mỹ T1; tình trạng hôn nhân: Có vợ là Đỗ Thị Phương T2 và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Chưa có; bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2021; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 thuộc Công an thành phố H1; Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án chỉ định: Luật sư Nguyễn Đình T3 – Công ty luật TNHH N2 thuộc Đoàn luật sư thành phố H1; Có mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, Đặng Ngọc H khi đó là cán bộ Công an huyện P, thành phố H1 đã hứa hẹn xin học vào các trường trong ngành Công an, xin chuyển công tác... với nhiều người để chiếm đoạt tiền của họ, cụ thể:

1) *Hành vi chiếm đoạt của ông Nguyễn Trung P1 600.000.000 đồng:* Khoảng tháng 6/2015, ông Nguyễn Trung P1 quen Đặng Ngọc H thông qua em ruột là anh Nguyễn Cao K (sinh năm 1984); H giới thiệu đang công tác tại Phòng nghiệp vụ - Công an thành phố H1, có nhiều mối quan hệ có thể xin học vào các trường trong ngành Công an; ông P1 đã nhờ H xin cho con trai là Nguyễn Anh H3 (sinh ngày 04/8/1997), đang theo học hệ Dân sự chuyển sang học hệ Chính quy tại Học viện Cảnh sát nhân dân; H đồng ý và nói chi phí khoảng 700 triệu đồng; ông P1 đồng ý và mang tiền đến nhà ở số 87 ngõ 04 phố T, phường M, quận H2 giao cho H 600 triệu đồng (Ngày 10/11/2015 giao 200 triệu đồng; Ngày 17/11/2015 giao 200 triệu đồng; Ngày 24/11/2015 giao 200 triệu đồng); H viết giấy biên nhận tiền với nội dung: “Xin cho con anh P1, chị N2 là Nguyễn Anh H3 vào học hệ Chính quy tại Học viện Cảnh sát nhân dân, C, T3, h1. Sau khi công việc hoàn thành anh chị Phát, Nhận sẽ chuyển nốt số tiền 100 triệu đồng, hẹn sau 06 tháng từ ngày 10/11/2015 nếu không xin được sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền trên”, có chữ ký chữ viết của Đặng Ngọc H, ông Nguyễn Trung P1, bà Vương Thị N2 (vợ ông P1), anh Nguyễn Cao K, chị Đỗ Thị Phương T2 (vợ H). Quá hạn, H không thực hiện được cam kết và không trả lại tiền mà bỏ trốn. Ông Nguyễn Trung P1 yêu cầu Đặng Ngọc H bồi thường 600 triệu đồng và đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

2) *Hành vi chiếm đoạt của anh Tạ Quang P2 650.000.000 đồng:* Khoảng tháng 7/2015, thông qua quan hệ xã hội, anh Tạ Quang P2 (công tác tại Chi cục Quản lý thị trường P3) quen biết với Đặng Ngọc H; H nói đang công tác tại Công an huyện P và giới thiệu với anh P2 là thời điểm tháng 10/2015 sẽ diễn ra Đại hội Đảng bộ thành phố H1, sẽ có thay đổi, sắp xếp về nhân sự nên có khả năng xin chuyển công tác cho anh P2 từ Chi cục Quản lý thị trường P3 về Chi cục Quản lý thị trường H1 với chi phí 650 triệu đồng; anh P2 tin tưởng nên đồng ý và chuyển cho H tổng số tiền 650 triệu đồng (Ngày 27/8/2015 chuyển 300 triệu đồng; Ngày 28/9/2015 chuyển 350 triệu đồng); H viết giấy vay tiền và hẹn đến ngày 30/11/2015 sẽ trả tiền cho anh P2. Quá hạn, H không xin chuyển công tác được nên anh P2 đòi tiền; từ tháng 11/2015 đến tháng 10/2016, H đã trả cho anh P2 tổng cộng 430 triệu đồng, còn lại 220 triệu đồng. Sau đó, H bỏ trốn để chiếm đoạt 220

triệu đồng; ông Tạ Quang P2 yêu cầu H trả lại 220 triệu đồng và đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

3) *Hành vi chiếm đoạt của bà Tống Thị T3 450.000.000 đồng*: Do quen biết từ trước, khoảng đầu năm 2015, bà Tống Thị T3 có nhu cầu muốn xin cho con trai là anh Đỗ Văn T4 (sinh năm 1988) vào làm việc trong ngành Công an nên đặt vấn đề nhờ Đặng Ngọc H giúp đỡ. H nói có thể lo được cho anh Đỗ Văn T4 vào làm lái xe cho Công an thành phố H1 với chi phí là 450 triệu đồng; bà T3 đồng ý và đưa cho H 450 triệu đồng (Ngày 26/8/2015 đưa 200 triệu đồng; Ngày 21/4/2016 đưa 250 triệu đồng); H viết giấy vay tiền và hẹn đến ngày 30/11/2015 sẽ trả tiền cho bà T3, nội dung: “Vay tiền của chị T3 để giải quyết việc gia đình”, hẹn đến ngày 30/5/2016 trả lại số tiền trên. Sau khi nhận tiền H không xin được việc cho anh Đỗ Văn T4, không trả lại tiền mà bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền trên. Bà Tống Thị T3 yêu cầu H trả lại 450 triệu đồng và đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

4) *Hành vi chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn L 250.000.000 đồng*: Khoảng tháng 5/2016, qua quan hệ xã hội ông Nguyễn Văn L quen Đặng Ngọc H và được H giới thiệu đang là Phó đội trưởng tại Phòng nghiệp vụ - Công an thành phố H1, quen nhiều lãnh đạo cấp cao của Bộ Công an. Tháng 6/2016, ông L nói với H về việc muốn xin cho con trai là anh Nguyễn Việt T4 (sinh năm 1998) thi vào ngành Công an. H nói có thể xin cho con ông L vào học hệ Chính quy tại Học viện Cảnh sát nhân dân với chi phí 550 triệu đồng, ông L đồng ý. Ngày 09/7/2016, ông L và vợ là bà Hoàng Thị G đến nhà đưa cho H 250 triệu đồng; H viết và ký giấy vay tiền có nội dung: “Vay của anh Nguyễn Văn L số tiền 250 triệu đồng để giải quyết việc gia đình, hẹn đến ngày 30/10/2016 sẽ trả lại tiền cho anh L”. Quá hạn, H không xin học được cho anh Nguyễn Việt T4, ông L đòi lại tiền; ngày 12/7/2017, H trả lại cho ông L 175 triệu đồng, còn lại 75 triệu đồng; sau đó, H bỏ trốn. Ông Nguyễn Văn L yêu cầu H trả lại 75 triệu đồng và đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

5) *Hành vi chiếm đoạt của anh Trần Văn C1 800.000.000 đồng*: Khoảng tháng 02/2017, H giới thiệu có quen nhiều lãnh đạo cấp cao của Bộ Công an nên anh Trần Văn C1 đặt vấn đề nhờ Đặng Ngọc H xin cho 05 trường hợp là người quen của anh C1 vào làm tại các đơn vị như Học viện Cảnh sát nhân dân, Tổng cục 8, Cục An ninh Mạng (A68) - Bộ Công an; Trường Trung học cơ sở N3, H; Trường Trung học cơ sở H5, H1. H nói với anh C1, H có thể lo được với tổng chi phí là 1,6 tỷ đồng (Trong đó trường hợp xin chuyển công tác về Tổng cục 8 - Bộ Công an là 600 triệu đồng, mỗi trường hợp còn lại là 250 triệu đồng), chuyển trước 800 triệu đồng, anh C1 đồng ý và đưa cho H 800 triệu đồng; H viết giấy nhận tiền với nội dung: “Nhận của anh Trần Văn C1 800 triệu đồng để lo giải quyết công việc, hẹn anh C1 đến 31/7/2017 sẽ hoàn trả lại cho anh C1”. Việc thỏa thuận, giao nhận tiền còn thể hiện tại nội dung các tin nhắn số điện thoại 0912058479 của H gửi đến số 0989899953 của anh C1. Quá hạn, H không xin được việc cho các trường hợp của anh C1 nhờ như đã cam kết mà bỏ trốn chiếm đoạt số tiền trên.

Anh Trần Văn C1 yêu cầu H trả lại 800 triệu đồng và đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

6) *Hành vi chiếm đoạt của bà Hoàng Thị T6 50.000.000 đồng*: Khoảng tháng 4/2017, thông qua quan hệ xã hội, bà Hoàng Thị T6 quen Đặng Ngọc H. H giới thiệu đang công tác tại Phòng nghiệp vụ - Công an thành phố H1 có quen nhiều lãnh đạo cấp cao của Bộ Công an nên bà T6 đặt vấn đề nhờ H xin cho con trai là anh Lê Duy L (sinh năm 1996) vào làm việc trong ngành Công an, H đồng ý và nói chi phí cao, yêu cầu bà T6 đặt cọc trước 50 triệu đồng, số tiền còn lại đưa khi xong việc. Ngày 01/6/2017, H đến nhà bà T6 nhận 50 triệu đồng đặt cọc xin việc; H viết giấy nhận tiền với nội dung: “Hôm nay ngày 01/6/2017, tôi là Đặng Ngọc H nhận 50.000.000 đồng tiền đặt cọc để xin việc cho cháu Lê Duy L con trai chị T6 vào ngành công an, cam kết thực hiện trong thời gian 03 tháng, nếu không xin được việc cho con trai chị T6 sẽ trả số tiền trên”. Quá hạn, H không xin được việc cho anh Lê Duy L nên bà T6 yêu cầu trả tiền nhưng H không trả mà bỏ trốn. Bà Hoàng Thị T6 yêu cầu H trả lại 50 triệu đồng và đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

7) *Hành vi chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu N4 230.000.000 đồng*: Ngày 10/11/2016, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Đặng Ngọc H nói dối chị N4 là đang cần tiền để chạy lên chức Đội trưởng Đội nghiệp vụ - Công an huyện P và hỏi vay tiền chị Thu N4, hẹn 6 tháng sau sẽ trả, chị N4 đồng ý cho H vay 230 triệu đồng, nhưng H lại viết Giấy đặt cọc với nội dung: “Đặng Ngọc H nhận đặt cọc của chị Nguyễn Thị Thu N4 số tiền 230 triệu đồng để sang nhượng chiếc xe Mec trắng C250, biển số 29A-819.78, tổng giá trị là 650 triệu đồng, khi nào giao xe chị N4 sẽ thanh toán số tiền còn lại”; H và chị Đỗ Thị Phương T2 (vợ H) ký giấy nhận tiền. Quá hạn, H không trả tiền cho chị N4 mà bỏ trốn. Chị Nguyễn Thị Thu N4 yêu cầu H trả lại 230 triệu đồng và đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký đứng tên Đặng Ngọc H trên các giấy nhận tiền, giấy vay tiền do các bị hại giao nộp và xác định: “Chữ ký, chữ viết đứng tên Đặng Ngọc H trên các Giấy nhận tiền, Giấy vay tiền trên là do Đặng Ngọc H ký và viết ra”.

\* Đối với đơn đề ngày 30/11/2017 của ông Nguyễn Văn Đ1 (sinh năm 1950; ĐKNKTT và trú tại: Thôn K3, xã Đ2, huyện Y1, tỉnh Y) tố cáo Đặng Ngọc H có hành vi nhận của anh Tạ Anh T7 (sinh năm 1981; ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 3, phường D, thành phố L1, tỉnh L1) số tiền 150 triệu đồng để xin cho chị Nguyễn Thị D1 (sinh năm 1985, là vợ anh T7 và là con ông Đ1) bị PC45 - Công an thành phố H1 bắt tạm giam về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” được tại ngoại, nhưng H không thực hiện như cam kết và không trả lại tiền. Căn cứ vào các tài liệu điều tra không đủ căn cứ để kết luận H nhận số tiền trên của anh T7 nên Cơ quan điều tra ra quyết định tách rút tài liệu để tiếp tục điều tra làm rõ.

\* Đối với đơn đề ngày 27/7/2017 của anh Ngô Tiến D4 (sinh năm 1974; ĐKNKTT và trú tại: Số 258, tổ 21 phường T8, quận Đ4, thành phố H1) tố cáo Đặng Ngọc H vay 300 triệu đồng, đã trả 40 triệu đồng, nhưng hiện không xác định

được anh Tiên D4 ở đâu để ghi lời khai làm rõ vụ việc nên Cơ quan điều tra ra quyết định tách rút tài liệu để điều tra xử lý sau.

\* Đối với chị Đỗ Thị Phương T2 (là vợ Đặng Ngọc H) có ký vào một số giấy nhận tiền của bị hại (anh Nguyễn Trung P1, chị Nguyễn Thị Thu N4) nhưng không bàn bạc gì với Ngọc H và do bị hại yêu cầu ký, chị Phương T không biết Ngọc H sử dụng tiền vào mục đích gì và không được hưởng lợi nên Cơ quan điều tra không đề cập xem xét xử lý.

\* Đối với chị Phạm Thị Thu H6 (sinh năm 1970; ĐKNKTT: Căn hộ 2712B/R4 R, phường T10, quận T8, thành phố H1): Đặng Ngọc H khai toàn bộ số tiền đã nhận của các bị hại đều đưa cho Phạm Thị Thu H6 là cán bộ Ban Tuyên giáo Thành uỷ H1 từ tháng 4/2015 đến tháng 12/2017. Quá trình điều tra, ông Đặng Hữu N1 (sinh năm 1959; ĐKHKT: P109C/A5, phường T9, quận T8, thành phố H1, là bố Đặng Ngọc H) giao nộp cho Cơ quan điều tra Giấy nhận tiền với nội dung: “Tôi Phạm Thị Thu H6... có nhận của em H 400 triệu đồng để lo giải quyết công việc. Tôi có trách nhiệm hoàn trả lại cho em H số tiền trên...”, ngoài ra không có tài liệu nào khác chứng minh H đưa tiền cho chị H6. Cơ quan điều tra đã xác minh, làm việc gia đình H6 và Ban Tuyên giáo Thành uỷ H1; Hiền đã nghỉ việc theo Quyết định số 231/QĐ-BTGTU ngày 20/12/2017 của Ban Tuyên giáo Thành uỷ H1; H6 không có mặt tại nơi cư trú; không thu thập được tài liệu liên quan đến chữ ký, chữ viết của chị H6 để giám định, xác định chữ ký, chữ viết của H6 trên giấy nhận tiền trên hay không nên chưa làm rõ được hành vi vi phạm của H6. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm người số 30/QĐ-TT và Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan số 49/QĐ-PC01 cùng ngày 14/4/2022, liên quan đến việc Phạm Thị Thu H6 nhận tiền của Đặng Ngọc H để điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 449/2022/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1 đã tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đặng Ngọc H: **13 (Mười ba)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/10/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, biện pháp bảo đảm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đặng Ngọc H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm quy kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xử phạt Đặng Ngọc H **13** (Mười ba) năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Đặng Ngọc H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX Áp dụng điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo Đặng Ngọc H 01 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến thể hiện không tranh luận về tội danh cũng như điều luật áp dụng đối với bị cáo, chỉ mong HĐXX xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện đang rất khó khăn, vợ bị cáo bỏ đi để 02 con nhỏ cho bố mẹ bị cáo cũng đã cao tuổi chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, đề nghị HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng và bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm quy kết phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai của bị hại và những người có liên quan trong quá trình điều tra; phù hợp biên bản xác minh, đối chất, nhận dạng; các biên bản thu giữ giấy tờ, tài liệu; tin nhắn điện thoại cùng các bản kết luận giám định. Đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, Đặng Ngọc H là cán bộ Phòng An ninh xã hội - PA88 (Nay là Phòng An ninh đối nội - PA02) và Đội An ninh Công an huyện P, thành phố H1; mặc dù không có chức năng, không có khả năng xin học, xin vào làm việc trong ngành Công an, xin chuyển công tác... nhưng Đặng Ngọc H đã đưa ra thông tin gian dối là có nhiều mối quan hệ, có khả năng xin học tại các trường trong ngành Công an, xin chuyển công tác, thay đổi vị trí công công tác... làm cho nhiều người tin tưởng đưa tiền nhờ H giúp đỡ, cho vay rồi bị cáo chiếm đoạt của họ tổng cộng 3.030.000.000 đồng, cụ thể: Đặng Ngọc H đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Trung P1 600.000.000 đồng, anh Tạ Quang P2 650.000.000 đồng, bà Tống Thị T3 450.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn L 250.000.000 đồng, anh Trần Văn C1

800.000.000 đồng, bà Hoàng Thị T6 50.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thu N4 230.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Đặng Ngọc H không thực hiện công việc như đã hứa; khi bị đòi tiền thì H đã trả lại cho anh Tạ Quang P2 430.000.000 đồng, trả lại cho ông Nguyễn Văn L 175.000.000 đồng, tổng cộng là 605.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt 2.425.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Đặng Ngọc H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

*[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:*

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường, khắc phục một phần hậu quả và được người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; bản thân có nhiều thành tích trong công tác, được Nhà nước và các cấp ngành tặng thưởng nhiều Bằng khen; có ông Nội, bố mẹ đẻ là người có công, được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định xử phạt bị cáo 13 năm tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình bị cáo Đặng Ngọc H xuất trình đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị cáo bỏ đi, 2 con còn nhỏ hiện ở với ông bà tuổi cao, sức yếu; Biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; Huân, Huy chương kháng chiến của bố bị cáo là ông Đặng Hữu N1 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo là người có nhiều thành tích trong quá trình công tác, bố mẹ của bị cáo là những người có công, được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương; bị cáo đã tích cực khắc phục một phần hậu quả. Do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

*[4] Về án phí:* Kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Đặng Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lý trên;*

Căn cứ Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Ngọc H; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 449/2022/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1.

Tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đặng Ngọc H 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/10/2021.

2. Về án phí: Bị cáo Đặng Ngọc H không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Ghi nhận bị cáo đã nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0069412 ngày 31/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H1.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H1;
- VKSND thành phố H1;
- Cục THADS thành phố H1;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Vũ Thị Thu Hà**